

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày 07-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2021/HSST-QĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Chí D, sinh ngày 30 tháng 10 năm 1984, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 485 đường CB, Tổ 14, phường TT, quận HA, thành phố HP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Ngô Bích N; đã ly hôn với chị Nguyễn Thị T và có 02 con; tiền án: Bản án số: 49/HSST ngày 27-7-2004 của Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Chí D 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 06 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ. Tổng hợp hình phạt là 15 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 13-7-2005, nhưng chưa chấp hành xong tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền sung công quỹ Nhà nước (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số: 22/HSST ngày 19-3-2015 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Chí D 42 tháng

tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 06-3-2018 và đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm (đã được xóa án tích); tạm giữ ngày 18-8-2020; tạm giam ngày 27-8-2020; có mặt.

2. Đỗ Ngọc T1, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1990, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Độ, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T2 và bà Trần Thị M; có vợ là Trần Thị Bích N1 và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 18-8-2020; tạm giam ngày 27-8-2020; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Trần Thanh T3, sinh năm 1992; trú tại: Số 274 LTK, phường PBC, quận HB, thành phố HP; có mặt;

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; trú tại: Thôn VD, xã VQ, huyện TL, thành phố HP; có mặt;

- *Người làm chứng:* Bà Ngô Bích N; có mặt;

- *Người chứng kiến:*

1. Chị Nguyễn Thị T5; vắng mặt;

2. Anh Đỗ Văn B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16-8-2020 Nguyễn Chí D được một người bạn xã hội tên là Cương giới thiệu và cho số điện thoại của một người phụ nữ tên là Hậu (Thu) ở huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng để làm quen. Sau đó D và Hậu (Thu) có hẹn gặp nhau tại phòng 302 nhà nghỉ Phương Thảo thuộc xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. D đến trước rồi bỏ dụng cụ sử dụng ma túy đá ra để sử dụng một mình, sau đó đi tắm. Khi D đang tắm thì Hậu (Thu) đến và tự lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá của D để sử dụng rồi sau đó có nhờ D mua hộ Hậu (Thu) 50 gam ma túy đá. D bảo để hỏi lại, còn một ít ma túy đá trong túi thì D cho Hậu (Thu), sau đó cả hai cùng ra về. Đến sáng ngày 17-8-2020, Hậu (Thu) nhắn tin cho D nhờ mua hộ 100 gam ma túy đá với giá 42.000.000 đồng, D đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 17-8-2020, D đi taxi ra khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng tìm người để mua ma túy nhưng không mua được, sau đó D đi taxi về huyện Vĩnh Bảo. Trên đường đi về đến khu vực quận Kiến An, D nhận được tin nhắn của Đỗ Ngọc T1 nhờ D đón từ thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng về thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Khi D và T về đến thị trấn

Vĩnh Bảo, D nhận được tin nhắn của Hậu (Thu) hẹn gặp nhau ở phòng 305 nhà nghỉ Thủy Nghĩa thuộc thôn Mai Sơn, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo. D bảo T là D đi taxi khác đi đến nhà nghỉ Thủy Nghĩa trước còn T đi xe taxi theo sau cách xe taxi chở D khoảng 100m. Khi đến nhà nghỉ Thủy Nghĩa, D đi vào nhà nghỉ và lên phòng 305, đến cửa phòng D gõ cửa thì Hậu (Thu) ra mở cửa, D vào trong phòng thì thấy có một mình Hậu (Thu) ở trong phòng và có một bộ đồ sử dụng ma túy đá trên bàn uống nước, D bảo Hậu (Thu) không lấy được ma túy nhưng Hậu (Thu) nói đã lấy được ma túy rồi, sau đó Hậu (Thu) đưa một túi ma túy đá cho D xem rồi bảo D cầm hộ túi ma túy đá để đi ra ngoài có việc tí quay lại. D cầm cất túi ma túy đá vào trong túi quần bên phải phía trước rồi lấy điện thoại nhắn tin cho T bảo lên phòng 305. Khi T đi đến trước cửa phòng 301 thì gặp Hậu (Thu) đi ra ngoài, T và Hậu (Thu) đứng nói chuyện, trong lúc nói chuyện Hậu (Thu) bảo T cầm hộ túi ma túy tý nữa Hậu (Thu) lên rồi cùng sử dụng. T đồng ý và cất túi ma túy đá vào trong túi quần phía trước bên trái, còn Hậu (Thu) đi xuống cầu thang được khoảng 02 phút thì T và D bị tổ công tác Công an huyện Vĩnh Bảo bắt quả tang. Thu giữ của Nguyễn Chí D 01 túi ma túy đá; 01 điện thoại nhãn hiệu LG cảm ứng màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen; 01 ví da màu đen bên trong có 11.836.000 đồng, 01 thẻ Vietinbank mang tên Nguyễn Thị L, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 29U2-567.89 mang tên Lê Thanh Toán. Thu giữ của Đỗ Ngọc T1 01 túi ma túy đá; 01 điện thoại nhãn hiệu Xiaomi màu trắng, 01 thẻ ngân hàng IVB mang tên Phạm Văn Nam, số tiền 300.000 đồng. Ngoài ra còn thu giữ 01 chai nhựa có gắn một ống tẩu và một ống hút nhựa tại phòng 305 nhà nghỉ Thủy Nghĩa.

Tại Kết luận giám định số 519/KLGD-MT ngày 21-8-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Tinh thể màu trắng của mẫu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 10,16 gam, là loại: Methamphetamine. Tinh thể màu trắng của mẫu M2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,24 gam, là loại: Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 09-02-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Chí D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Đỗ Ngọc T1 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã truy tố và thừa nhận việc truy tố, xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét

xử: Áp dụng điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí D mức án từ 06 năm đến 07 năm tù; áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc T1 mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù; phạt tiền mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu huỷ số ma túy còn lại sau giám định và 01 ví da màu đen đã cũ, đã qua sử dụng; trả lại bị cáo D số tiền 11.836.000 đồng, 01 điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng kèm theo 01 sim có số ICCID: 09840200010979703482 đã qua sử dụng; trả lại bị cáo T số tiền 300.000 đồng, 01 điện thoại Xiaomi màu trắng có gắn sim có số ICCID: 09840480088293415268 đã qua sử dụng; trả lại anh Trần Thanh T3 01 điện thoại Iphone màu đỏ kèm theo 01 sim có số Imei, sim thực: 053970108609774 kèm theo 01 sim có số ICCID: 89840480000551013511 đã qua sử dụng; trả lại chị Nguyễn Thị L 01 thẻ Vietinbank số 9704151522106997 mang tên Nguyễn Thị L; giao lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo 01 điện thoại LG cảm ứng màu đen, không xác định được số Imei kèm theo 01 sim có số ICCID: 8984048831004868752 đã qua sử dụng, 01 vỏ chai nhựa, 01 ống hút nhựa và 01 tàu thủy tinh. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Kiểm sát viên thu thập; bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về những tài liệu, chứng cứ đã thu thập, cung cấp. Do đó những tài liệu, chứng cứ đã thu thập, cung cấp trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] Về chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên, đủ cơ sở xác định: Ngày 17-8-2020 Phạm Chí D đã có hành vi tàng trữ trái phép 10,16 gam ma túy loại Methamphetamine mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Đỗ Ngọc T1 đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,24 gam ma túy loại Methamphetamine mục đích để sử dụng mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Như vậy, đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo Nguyễn Chí D phạm tình tiết tăng nặng định khung là chất ma túy ở thể rắn có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam nên bị cáo phạm tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4.1] Bị cáo Đỗ Ngọc T1 không phạm tình tiết định khung nào khác ngoài khung hình phạt bị truy tố nên bị cáo phạm điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không những đã xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, trị an xã hội và gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bởi vậy, cần phải được xử lý nghiêm.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Chí D có một tiền án như phần căn cước, lý lịch đã nêu (chưa được xóa án tích) nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Ngọc T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại

điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Ngọc T1 đã tham gia nghĩa vụ quân sự và được xuất ngũ theo Quyết định số 32/QĐ-LĐ ngày 15-01-2013 về việc cho quân nhân xuất ngũ của Lữ đoàn Trưởng Lữ đoàn 126, nên cần xem đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[8] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù thỏa đáng nhằm đảm bảo trừng trị người phạm tội, giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo D có tài sản riêng là số tiền 11.836.000 đồng nên cần phạt bị cáo 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước; bị cáo T làm nghề lao động tự do không có thu nhập ổn định, không có tài sản nào khác nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, vật chứng của vụ án đã thu giữ được xử lý như sau:

[10.1] Toàn bộ lượng ma túy Cơ quan điều tra đã thu giữ của các bị cáo còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 phong bì thư có thành phần là Methamphetamine là vật Nhà nước cấm lưu hành, 01 ví da màu đen đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo D không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[10.2] Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng kèm theo 01 sim có số ICCID: 09840200010979703482 đã qua sử dụng, số tiền 11.836.000 đồng thu giữ của bị cáo D; 01 điện thoại nhãn hiệu Xiaomi màu trắng có gắn sim có số ICCID: 09840480088293415268 đã qua sử dụng, số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại các bị cáo.

[10.3] Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đỏ kèm theo 01 sim có số Imei, sim thực: 053970108609774 kèm theo 01 sim có số ICCID: 89840480000551013511 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo D là tài sản bị cáo mượn của anh Trần Thanh T3 không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại anh Tùng; đối với 01 thẻ VietinBank số 9704151522106997 mang tên Nguyễn Thị L thu giữ của bị cáo D không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại chị Lan.

[10.4] Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu LG cảm ứng màu đen, không xác định được số Imei kèm theo 01 sim có số ICCID: 8984048831004868752 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo D, 01 vỏ chai nhựa, 01 ống hút nhựa và 01 tàu thủy

tiền thu giữ tại Phòng 305 nhà nghỉ Thủy Nghĩa liên quan đến hành vi sử dụng trái phép chất ma túy giữa bị cáo D và đối tượng tên Hậu (Thu) và có thông tin, nội dung về hành vi mua bán “keo, ke” và một số chất khác, tin nhắn về việc D nạp tiền chơi game online bắn cá. Do thời hạn điều tra đã hết mà chưa làm rõ được nội dung, hành vi này của D và của các đối tượng có liên quan nên Cơ quan điều tra đã thụ lý để giải quyết nguồn tin về tội phạm khác. Cho nên, cần trả lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo để giải quyết theo thẩm quyền.

[11] Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 29U2-567.89 mang tên Lê Thanh Toán, 01 thẻ Ngân hàng IVB mang tên Phạm Văn Nam hiện chưa xác định và làm việc được với chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[12] Đối với người phụ nữ tên Hậu (Thu) là người mà D, T khai đã đưa ma túy cho D, T; quá trình điều tra chưa xác định được căn cước, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thụ lý để phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm khác.

[13] Đối với chị Nguyễn Thị Tlà chủ nhà nghỉ Thủy Nghĩa không biết việc D, T và đối tượng Hậu (Thu) tàng trữ trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[14] Đối với anh Đỗ Văn B là lái xe taxi chở D, T về huyện Vĩnh Bảo không biết việc D, T và đối tượng Hậu (Thu) tàng trữ trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[15] Đối với chị Lương Thị Nhuận là người đứng tên chủ thuê bao số điện thoại 0964.146.988 là số điện thoại mà Hậu (Thu) đã sử dụng liên lạc với D. Quá trình điều tra xác định chị Nhuận chưa từng sử dụng số điện thoại trên nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị Lương Thị Nhuận.

[16] Đối với bà Ngô Bích N (mẹ của bị cáo D) là người đứng tên chủ thuê bao số điện thoại 0987324953 là số điện thoại mà D đã sử dụng liên lạc với Hậu (Thu). Việc D sử dụng chiếc sim trên để liên lạc với ai bà Ngọc không biết nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà Ngọc.

[17] Đối với số ma túy D khai đã mang đến nhà nghỉ Phương Thảo sử dụng và sau đó có cho Hậu (Thu) một ít ma túy còn lại trong túi nilon; do không xác định được người bán ma túy và khối lượng ma túy mà D đã cho Hậu (Thu) nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[18] Đối với việc Hậu (Thu) có nhờ D mua hộ 100 gam ma túy đá với số tiền là 42.000.000 (Hậu (Thu) chỉ nhắn tin, chưa đưa tiền cho D), D không mua được ma túy nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[19] Về án phí: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Chí D 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18-8-2020.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Chí D 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Ngọc T1 15 (Mười lăm) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18-8-2020.

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ lượng ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong 01 (một) phong bì thư có thành phần là Methamphetamine có dấu niêm phong số 519/2020/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, 01 ví da màu đen đã cũ, đã qua sử dụng; trả lại bị cáo D 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen đã qua sử dụng kèm theo 01 sim có số ICCID: 09840200010979703482 đã qua sử dụng, số tiền 11.836.000 đồng; trả lại bị cáo T 01 điện thoại nhãn hiệu Xiaomi màu trắng có gắn sim có số ICCID: 09840480088293415268 đã qua sử dụng, số tiền 300.000 đồng; trả lại anh Trần Thanh T3 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đỏ kèm theo 01 sim có số Imei, sim thực: 053970108609774 kèm theo 01 sim có số ICCID: 89840480000551013511 đã qua sử dụng; trả lại chị Nguyễn Thị L 01 thẻ VietinBank số 9704151522106997 mang tên Nguyễn Thị L; trả lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo 01 điện thoại nhãn hiệu LG cảm ứng màu đen, không xác định được số Imei kèm theo 01 sim có số ICCID: 8984048831004868752 đã qua sử dụng, 01 vỏ chai nhựa, 01 ống hút nhựa và 01 tàu thủy tinh theo Biên bản giao nhận vật chứng và Biên lai thu tiền ngày 19-02-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Bảo và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo.

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng (PV06, PC10);
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Công an huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Trại tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Hữu Hường